

Số: ^A1174/BC-BDT

Ninh Thuận, ngày 25 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thi hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Ban Dân tộc báo cáo kết quả tình hình thi hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong năm 2022, như sau:

I. KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN

Lãnh đạo Ban thường xuyên quán triệt, triển khai thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng; kịp thời có các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng theo quy định của Luật PCTN; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Luật PCTN năm 2018; Chỉ thị số 10-CT/TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 12/5/2017 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí ... gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Hàng năm ban hành Kế hoạch về công tác phòng, chống tham nhũng; đồng thời, triển khai đến các phòng chuyên môn thuộc Ban đề tổ chức quán triệt đến công chức và người lao động được biết và chấp hành nghiêm túc. Qua đó, đã góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm, thực hiện có hiệu quả việc chấp hành các chuẩn mực xử sự và phòng ngừa tham nhũng trong thi hành công vụ của từng công chức trong cơ quan.

2. Việc bảo đảm các điều kiện thi hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Ban Dân tộc không có phòng chuyên trách về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; song để thực hiện tốt nhiệm vụ quan trọng này, Trưởng Ban quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng chuyên môn thuộc Ban; trong đó giao Văn phòng ban chủ trì, phối hợp phòng chuyên môn thuộc Ban tham mưu Trưởng Ban triển khai phổ biến chương trình kế hoạch thực hiện các quy định về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đồng thời rà soát, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí tại cơ quan.

3. Việc tuân thủ pháp luật về phòng, chống tham nhũng (Theo phụ lục đính kèm)

3.1. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

- Công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị:

Ban thường xuyên rà soát, thực hiện đơn giản hóa các thủ tục hành chính và niêm yết công khai tại trụ sở; đồng thời, thường xuyên cập nhật thông tin, dữ liệu có liên quan đến các lĩnh vực công tác dân tộc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ban, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân để theo dõi và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng, ban hành và thực hiện các quy định về chế độ, định mức tiêu chuẩn:

Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế về định mức chi tiêu nội bộ cơ quan, nhằm quản lý và sử dụng tài sản công của cơ quan cho phù hợp, hiệu quả và đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà:

Thực hiện theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; đến nay chưa phát hiện lợi dụng việc tặng quà, nhận quà tặng để hối lộ hoặc thực hiện các hành vi vụ lợi khác.

- Xây dựng và thực hiện Quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp của công chức:

Ban hành Quy tắc ứng xử, quy chế làm việc của cơ quan; qua đó, đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, thực hiện có hiệu quả việc chấp hành các chuẩn mực xử sự và phòng ngừa tham nhũng trong thi hành công vụ của từng công chức trong cơ quan.

- Việc chuyển đổi vị trí công chức:

Ban Dân tộc xây dựng kế hoạch triển khai và thực hiện nghiêm túc chuyên đổi vị trí công tác theo quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và

Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, đáp ứng nhu cầu bố trí nhân sự phù hợp với vị trí việc làm và trình độ chuyên môn được đào tạo; qua đó, đã góp phần phát huy năng lực trên nhiều lĩnh vực công tác được phân công, không xảy ra tình trạng nhũng nhĩnh của công chức đối với tổ chức và công dân.

- Minh bạch tài sản, thu nhập:

Đã tổ chức triển khai mẫu Bản kê khai theo phụ lục II của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan đến 14 công chức thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ và bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu đối với bản kê khai do Thanh tra Chính phủ, Thanh tra tỉnh kiểm soát, nghiêm túc đúng theo quy định.

- Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán:

Áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý tại Ban; sử dụng phần mềm văn phòng điện tử vào quản lý hành chính; phần mềm theo dõi quá trình giải quyết hồ sơ tại cơ quan thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin hướng đến các thủ tục hành chính đều thực hiện dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4. Thực hiện có hiệu quả Quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết các thủ tục hành chính.

Thực hiện phương thức thanh toán qua tài khoản: Tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội, thanh toán điện, nước, điện thoại, mua sắm tài sản...

- Các nội dung khác đã thực hiện nhằm phòng ngừa tham nhũng:

Lãnh đạo Ban luôn quán triệt, chỉ đạo các Phòng chuyên môn, công chức thuộc Ban thực hiện tốt việc công khai, minh bạch trong việc quản lý và sử dụng ngân sách do Nhà nước cấp và các khoản thu, chi khác; tất cả các khoản thu, chi đều đảm bảo nguyên tắc tài chính; việc sử dụng trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại trong cơ quan đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

3.2. Việc thực hiện kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Triển khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2022 theo chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Thanh tra tỉnh; Ban đã ban hành Công văn số 16/BDT-VP ngày 10/11/2022 của Ban Dân về việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập bổ sung và hàng năm của năm 2022; báo cáo số 1292/BC-BDT ngày 27/12/2022 về kết quả kê khai tài sản, thu nhập năm 2022; ban hành Thông báo số 17/TB-BDT ngày 24/11/2022 về Công khai bản kê khai tài sản năm 2022 của công chức Ban Dân tộc. Các Thông báo công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của công chức, viên chức đều được niêm yết tại Bảng thông báo của cơ quan và đăng trên Trang thông tin điện tử của Ban.

3.3. Công tác kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị và phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra.

Thông qua các cuộc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan và tổ chức đoàn thể tại cơ quan; đến nay không có và chưa phát hiện công chức có hành vi tham nhũng, lãng phí; đồng thời, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo hành vi tham nhũng, lãng phí của công chức.

3.4. Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng

Bí thư Chi bộ đồng thời là Trưởng Ban luôn xác định công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; luôn nêu cao trách nhiệm, gương mẫu, đi đầu, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng chống tham nhũng; chỉ đạo các phòng chuyên môn thuộc Ban thực hiện các biện pháp phòng ngừa.

Thực hiện Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng; trong đó, quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị mình quản lý. Lãnh đạo Ban đã chỉ đạo các phòng chuyên môn thuộc Ban quán triệt thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về PCTN; triển khai đầy đủ, đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Bên cạnh đó, thường xuyên quán triệt và thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan; thực hiện nghiêm quy định về trách nhiệm nêu gương của người đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan.

3.5. Việc xử lý tham nhũng và hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Đến nay, Ban Dân tộc không có trường hợp nào có dấu hiệu vi phạm về tham nhũng, lãng phí trong cơ quan.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Lãnh đạo Ban thường xuyên quan tâm và chú trọng đến công tác thi hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm trong việc chỉ đạo và điều hành; qua đó, đã đạt được những kết quả nhất định, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của từng công chức, như: công tác cải cách hành chính, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, đã được triển khai toàn diện trên các lĩnh vực của công tác dân tộc, nhất là đẩy mạnh việc thực hiện quy trình, thủ tục hành chính; tổ chức bộ máy được kiện toàn, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan; thực hiện tốt chính sách quản lý tài chính công đúng theo quy định; công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức được công khai, minh bạch trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai tại cơ quan để các tổ chức, cá nhân theo dõi, thực hiện và giám sát; triển khai áp dụng phần mềm Văn phòng điện tử và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 được đẩy mạnh; công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát được tăng cường; công tác thông tin tuyên truyền luôn thường xuyên, đổi mới về nội dung và chất lượng, góp phần tích cực trong công tác phòng, chống tham nhũng; hiệu

lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước của hệ thống hành chính được nâng lên.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả các quy định công tác thi hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới; Ban Dân tộc đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp, như sau:

1. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành luôn bám sát chủ trương, Nghị quyết của Trung ương, các chương trình hành động, kế hoạch chuyên đề của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh về PCTN. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến đầy đủ, kịp thời các văn bản quy định về phòng, chống tham nhũng của Trung ương, Bộ ngành liên quan và các văn bản liên quan của tỉnh đến công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Tập trung triển khai thực hiện Luật PCTN (sửa đổi) được Quốc hội thông qua, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về PCTN (sửa đổi), đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN gắn với việc thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị (khóa XIII) về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và Nghị quyết TW 4 (Khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn đảng, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện tự chuyển biến, tự chuyển hóa trong nội bộ; chú trọng việc chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

3. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, nhất là công khai, minh bạch hoạt động cơ quan; minh bạch tài sản thu nhập của công chức; thực hiện nghiêm túc quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; xây dựng và thực hiện tốt các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính. Nâng cao vai trò, trách nhiệm và tính tiên phong, gương mẫu của công chức, đảng viên, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu của đơn vị.

4. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 57-CT/TU ngày 03/9/2014 của Tỉnh ủy, Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 07/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh và Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh nhằm xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có năng lực, phẩm chất đạo đức, kỷ cương, liêm chính.

5. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát của Công đoàn, Ban thanh tra Nhân dân đối với công tác PCTN, lãnh phí các phòng chuyên môn tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, lãnh phí; cương quyết xử lý trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị khi để xảy ra tham nhũng, lãnh phí, tiêu cực (nếu có).

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không có

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả công tác thi hành pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong năm 2022, Ban Dân tộc báo cáo Thanh tra tỉnh tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT, VP.



TRƯỞNG BAN

[Handwritten signature]
Phạm Thị Thủy

UBND TỈNH NINH THUẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN DÂN TỘC **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



PHỤ LỤC

(Kèm) theo Báo cáo số 1174^A/BC-BDT ngày 25/ 11/2022 của Ban Dân tộc)

| STT | NỘI DUNG | Năm 2022 |
|-----------|--|------------------------------|
| I | Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng | |
| a) | Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị | 0 |
| 1 | Các hình thức công khai thường được thực hiện | Trang tin điện tử Ban |
| 2 | Số cuộc kiểm tra việc thực hiện công khai, minh bạch | 0 |
| 3 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch (liệt kê hình thức xử lý tương ứng với số đơn vị bị xử lý) | 0 |
| 4 | Số cuộc họp báo và số lần cung cấp thông tin cho báo chí | 0 |
| 5 | Số lần cung cấp thông tin theo yêu cầu | 0 |
| 6 | Số lần thực hiện trách nhiệm giải trình | 0 |
| b) | Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ | 0 |
| 1 | Việc công khai các văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | 01 |
| 2 | Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | 0 |
| 3 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ | 0 |
| 4 | Số người vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ bị xử lý và hình thức xử lý (liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý) | 0 |
| c) | Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn | 0 |
| 1 | Số người vi phạm quy tắc ứng xử bị xử lý và hình thức xử lý (liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý) | 0 |
| 2 | Số người vi phạm quy định về tặng quà và nhận quà tặng bị xử lý và hình thức xử lý (liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý) | 0 |
| 3 | Số người vi phạm quy định về kiểm soát xung đột lợi ích bị xử lý và hình thức xử lý (liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý) | 0 |
| d) | Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn | 0 |
| 1 | Số lượng công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác | 0 |
| 2 | Số người chuyển đổi vị trí công tác theo Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác | 0 |
| 3 | Số người thực tế đã chuyển đổi vị trí công tác | 0 |
| II | Việc kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn | 0 |
| 1 | Số lượt người được tuyên truyền về Nghị định 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. | 01 |
| 2 | Việc công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập: | 7 |
| | Số lượng công khai tại cuộc họp | 0 |
| | Số lượng công khai bằng hình thức niêm yết | 0 |
| 3 | Số người được xác minh tài sản, thu nhập | 0 |

| | | |
|------------|--|---|
| 4 | Số người bị xử lý kỷ luật về nghĩa vụ trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm (<i>liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý</i>) | 0 |
| III | Công tác kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị và phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán | 0 |
| 1 | Kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức đơn vị: | 0 |
| | <i>Số cuộc kiểm tra</i> | 0 |
| | <i>Số cuộc tự kiểm tra</i> | 0 |
| | <i>Số người có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra</i> | 0 |
| | <i>Số người có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra</i> | 0 |
| 2 | Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động giám sát: | 0 |
| | <i>Số cuộc giám sát</i> | 0 |
| | <i>Số người có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động giám sát</i> | 0 |
| 3 | Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra: | 0 |
| | <i>Số cuộc thanh tra</i> | 0 |
| | <i>Số người có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra</i> | 0 |
| 4 | Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động kiểm toán: | 0 |
| | <i>Số cuộc kiểm toán</i> | 0 |
| | <i>Số người có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động kiểm toán</i> | 0 |
| IV | Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị | 0 |
| 1 | Số người vi phạm chế độ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị (<i>liệt kê hình thức xử lý tương ứng với người bị xử lý</i>) | 0 |
| V | Việc phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước | 0 |
| 1 | Số lượt người trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước được tuyên truyền, hướng dẫn về pháp luật phòng, chống tham nhũng | 0 |
| 2 | Số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước đã xây dựng quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh | 0 |
| 3 | Số doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước đã xây dựng quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ | 0 |
| 4 | Số trường hợp có hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước được phát hiện, xử lý (<i>ghi rõ hình thức xử lý tương ứng</i>) | 0 |
| VI | Việc xử lý tham nhũng và hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng | 0 |
| 1 | Số vụ việc tham nhũng bị phát hiện | 0 |
| | Số người có hành vi tham nhũng bị xử lý (<i>ghi rõ hình thức xử lý tương ứng</i>) | 0 |
| 2 | Số tài sản bị thất thoát do hành vi tham nhũng và số tài sản thu hồi được | 0 |